**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II MÔN TOÁN – LỚP 7**

**Xem thêm tại Website VnTeach.Com https://www.vnteach.com**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  (1**)** | **Chương/Chủ đề**  (2) | **Nội dung/đơn vị kiến thức**  (3) | **Mức độ đánh giá**  (4-11) | | | | | | | | | **Tổng % điểm**  (12) | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  | |
| **1** | **Các đại lượng tỉ lệ** | Tỉ lệ thức và dãy tỉ số bằng nhau |  | 1  1đ |  |  |  |  |  |  | 10% | |
| **2** | **Biểu thức đại số** | Biểu thức đại số | 2  0,5đ |  |  | 1  1đ |  |  |  |  | 15% | |
| Đa thức một biến | 3  0,75đ |  | 1  0,25đ |  |  | 1  1,5đ |  |  | 25% | |
| **3** | **Tam giác** | Tam giác. Tam giác bằng nhau. Tam giác cân. Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên. Các đường đồng quy của tam giác. | 3  0,75đ |  | 1  0,25đ | 1  1đ |  |  |  |  | 20% | |
| Giải bài toán có nội dung hình học và vận dụng giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến hình học |  |  |  |  |  | 1  0,5đ |  | 1  1đ | 15% | |
| **4** | **Một số yếu tố xác suất** | Làm quen với biến cố ngẫu nhiên. Làm quen với xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản |  |  | 2  0,5đ | 1  1đ |  |  |  |  | 15% | |
| **Tổng** | | | **8** | **1** | **4** | **3** |  | **2** |  | **1** | **19** | |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **40%** | | **20%** | | **10%** | | **100%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **70%** | | | | **30%** | | | | | **100%** | |

**BẢN ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ CUỐI HKII MÔN TOÁN - LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | |
| **Nhận biêt** | | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** |
| 1 | **Các đại lượng tỉ lệ** | Tỉ lệ thức và dãy tỉ số bằng nhau | **Nhận biết**  – Nhận biết được tỉ lệ thức và các tính chất của tỉ lệ thức. | | 1 (TL1) | |  |  | |  |
| 2 | **Biểu thức đại số** | Biểu thức đại số | **Nhận biết**  – Nhận biết được biểu thức đại số.  – Nhận biết được biểu thức số.  **Vận dụng**  – Tính được giá trị của một biểu thức đại số. | | 2  (TN1)  (TN2) | |  | 1 (TL2) | |  |
| Đa thức một biến | **Nhận biết**  – Nhận biết được định nghĩa đa thức một biến.  – Nhận biết được cách biểu diễn đa thức một biến.  – Nhận biết được khái niệm nghiệm của đa thức một biến.  **Thông hiểu**  – Xác định được bậc của đa thức một biến.  **Vận dụng**  – Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia trong tập hợp các đa thức một biến. | | 3  (TN3)  (TN4)  (TN5) | | 1 (TN6) | 1 (TL 3) | |  |
| **3** | **Tam giác** | Tam giác. Tam giác bằng nhau. Tam giác cân. Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên. Các đường đồng quy của tam giác. | **Nhận biết**  – Nhận biết được liên hệ về độ dài của ba cạnh trong một tam giác.  – Nhận biết được đường trung trực của một đoạn thẳng và tính chất cơ bản của đường trung trực.  – Nhận biết được: các đường đặc biệt trong tam giác (đường trung tuyến, đường cao, đường phân giác, đường trung trực); sự đồng quy của các đường đặc biệt đó.  **Thông hiểu**  – Mô tả được tam giác cân và giải thích được tính chất của tam giác cân (ví dụ: hai cạnh bên bằng nhau; hai góc đáy bằng nhau).  – Giải thích được các trường hợp bằng nhau của hai tam giác, của hai tam giác vuông. | | 3  (TN7)  (TN8)  (TN9) | | 1 (TN10)  1 (TL 5) |  | |  |
|  |  | Giải bài toán có nội dung hình học và vận dụng giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến hình học | **Vận dụng**  – Diễn đạt được lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản (ví dụ: lập luận và chứng minh được các đoạn thẳng bằng nhau, các góc bằng nhau từ các điều kiện ban đầu liên quan đến tam giác,...).  **Vận dụng cao**  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** liên quan đến ứng dụng của hình học như: đo, vẽ, tạo dựng các hình đã học. | |  | |  | 1 (TL6) | | 1 (TL 7) |
| **4** | **Một số yếu tố xác suất** | Làm quen với biến cố ngẫu nhiên. Làm quen với xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản | **Thông hiểu**  – Nhận biết được xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản (ví dụ: lấy bóng trong túi, tung xúc xắc,...). | |  | | 2 (TN 11, 12)  1 (TL 4) |  | |  |
| **Tổng** | | | |  | | 9 | 6 | 3 | | 1 |
| **Tỉ lệ %** | | | |  | | **30%** | **40%** | **20%** | | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | |  | | **70%** | | | **30%** | | | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II – TOÁN 7**

**A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3 ĐIỂM)** *Học sinh chọn câu trả lời đúng nhất, mỗi câu 0,25 điểm.*

**Câu 1: NB** Biểu thức đại số là

A. biểu thức có chứa chữ và số.

B. biểu thức bao gồm các phép toán trên các số (kể cả những chữ đại diện cho số).

C. đẳng thức giữa chữ và số.

D. đẳng thức giữa chữ và số cùng các phép toán.

**Câu 2: NB** Biểu thức nào sau đây là biểu thức đại số?

A. . B. .

C. . D. Cả A, B, C đều đúng.

**Câu 3: NB** Biểu thức nào sau đây là đa thức một biến?

A. . B. .

C. . D. .

**Câu 4: NB** Cho đa thức , khi sắp xếp các đơn thức theo lũy thừa giảm dần của biến ta được

A. . B. .

C. . D. .

**Câu 5: NB** Cho đa thức . Trong các số 0; 1; –2; 5 nghiệm của đa thức  là

A. 0. B. 1. C. –2. D. 5.

**Câu 6: TH** Bậc của đa thức là

A. 4. B. 3. C. 2. D. 1.

**Câu 7: NB** Trong các bộ ba độ dài đoạn thẳng dưới đây, bộ ba nào có thể là độ dài ba cạnh của một tam giác?

A. 2 cm, 3 cm, 5 cm. B. 3 cm; 4 cm; 8 cm.

C. 3 cm; 4 cm; 7 cm. D. 4 cm; 5 cm; 6 cm.

**Câu 8: NB** Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống: “Ba đường trung trực của tam giác giao nhau tại một điểm. Điểm đó cách đều … của tam giác đó”.

1. hai cạnh.
2. ba cạnh.
3. ba đỉnh.

**Câu 9: NB** Trong các khẳng định sau, khẳng định nào sai?

1. Một tam giác có ba đường trung tuyến.
2. Một tam giác có hai trọng tâm.
3. Các đường trung tuyến của tam giác cắt nhau tại một điểm.
4. Giao điểm ba đường cao của 1 tam giác gọi là trực tâm của tam giác.

**Câu 10: TH** Tìm số đo **** trong hình vẽ sau:



A. ****. B. ****. C. ****. D. ****.

**Câu 11: TH** Một hộp có 5 cây bút xanh và 1 cây bút đỏ. Lan chọn ngẫu nhiên 2 cây bút từ hộp bút trên. Trong các biến cố sau, biến cố nào là biến cố chắc chắn?

A. Hai bút lấy ra đều có màu xanh.

B. Hai bút lấy ra đều có màu đỏ.

C. Có ít nhất một cây bút xanh trong hai bút lấy ra.

**Câu 12: TH** Bác Tài rút ngẫu nhiên 1 quân bài từ bộ bài tây 52 lá. Xác suất của biến cố bác Tài rút ra lá bài đỏ là

A. . B. . C. . D. .

**B. TỰ LUẬN: (7 ĐIỂM)**

**Câu 1. NB (1.0 điểm)** Hai tỉ số  và  có lập được một tỉ lệ thức hay không? Vì sao?

**Câu 2. TH (1.0 điểm)** Tính giá trị của đa thức  tại .

**Câu 3. VD (1.5 điểm)**

a) Cho hai đa thức:  và .   
Tính .

b) Thực hiện phép chia .

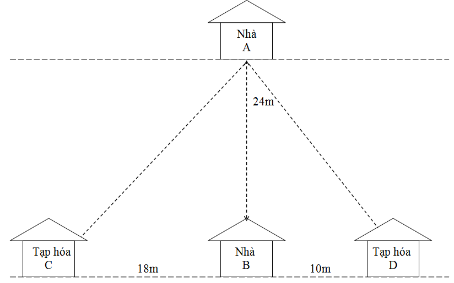
**Câu 4. TH (1.0 điểm)** Một hộp đựng 3 viên bi: bi trắng, bi đỏ và bi xanh có cùng kích thước và khối lượng. Lần lượt lấy ra 2 viên bi. Em hãy xác định mỗi biến cố sau đây là biến cố chắc chắn, biến cố không thể hay biến cố ngẫu nhiên:

1. Lấy được ít nhất một bi đỏ.
2. Lấy được hai bi cùng màu.
3. Lấy được nhiều nhất một bi xanh.
4. Không có bi màu trắng trong 2 viên bi được lấy ra.

**Câu 5. TH (1.0 điểm)** Cho tam giác cân tại . Gọi là trung điểm của đoạn thẳng . Chứng minh rằng .

**Câu 6. VD (0.5 điểm)** Cho tam giác (, đường phân giác của góc ( thuộc ). Trên cạnh của tam giác lấy điểm sao cho   
. Chứng minh rằng .

**Câu 7. VDC (1.0 điểm)** Nhà B, tạp hóa C và tạp hóa D cùng nằm 1 bên đường thẳng, nhà A nằm bên kia đường cách nhà B là 24m theo hướng vuông góc với mặt đường đó. Biết khoảng cách từ nhà B đến tạp hóa C là 18m, khoảng cách từ nhà B đến tạp hóa D là 10m. Hỏi bạn An từ nhà A đi mua bánh ở tạp hóa rồi qua nhà B chơi thì khoảng cách nào gần hơn? Vì sao?



**--------------------------------------------HẾT--------------------------------------------------**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II – TOÁN 7**

**A. CÁC CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN**

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| **Đáp án** | B | D | A | C | B | C | D | C | B | C | C | B |

**B. CÁC CÂU HỎI TỰ LUẬN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | | | **Điểm** |
| **1** | Hai tỉ số  và  có lập được một tỉ lệ thức hay không? Vì sao? | | | **1,0** |
|  | Vì | | | 0,5 |
| Nên hai tỉ số  và  lập được một tỉ lệ thức. | | | 0,5 |
| **2** | Tính giá trị của đa thức  tại . | | | **1,0** |
|  |  | | | 0,5 |
|  |  | | | 0,5 |
| 3 | a) Cho hai đa thức và . Tính .  b) Thực hiện phép chia . | | | **1,5** |
|  | a)    ++    M(*x*) + N(*x*) = 3*x*2 + 2*x* +4 | | | 0,5  0,25 |
| b)        0  Vậy = | | | 0,5  0,25 |
| **4** | Một hộp đựng 3 viên bi: bi trắng, bi đỏ và bi xanh có cùng kích thước và khối lượng. Lần lượt lấy ra 2 viên bi. Em hãy xác định mỗi biến cố sau đây là biến cố chắc chắn, biến cố không thể hay biến cố ngẫu nhiên:   1. Lấy được ít nhất một bi đỏ. 2. Lấy được hai bi cùng màu. 3. Lấy được nhiều nhất một bi xanh. 4. Không có bi màu trắng trong 2 viên bi được lấy ra. | | | **1,0** |
|  | 1. Biến cố ngẫu nhiên. | | | 0,25 |
| 1. Biến cố không thể. | | | 0,25 |
| 1. Biến cố chắc chắn. | | | 0,25 |
| 1. Biến cố ngẫu nhiên. | | | 0,25 |
| **5** | Cho tam giác cân tại . Gọi là trung điểm của đoạn thẳng . Chứng minh rằng . | | | **1,0** |
|  | Ta có: tam giác cân tại (gt)   (tính chất tam giác cân). | | 0,25 |
| Xét và , ta có:  + (cmt)  + (cạnh chung) | | 0,25 |
| + ( là trung điểm của đoạn thẳng , gt) | | 0,25 |
| Vậy (c.c.c) | | 0,25 |
| **6** | Cho tam giác (, đường phân giác của góc ( thuộc ). Trên cạnh của tam giác lấy điểm sao cho .  Chứng minh rằng . | | | **0,5** |
|  |  | | Xét và , ta có:  + (gt)  + ( là tia phân giác của góc )  + là cạnh chung | 0,25 |
| Vậy và (c.g.c)  => (hai cạnh tương ứng). | 0,25 |
| **7** | Nhà B, tạp hóa C và tạp hóa D cùng nằm 1 bên đường thẳng, nhà A nằm bên kia đường cách nhà B là 24m theo hướng vuông góc với mặt đường đó. Biết khoảng cách từ nhà B đến tạp hóa C là 18m, khoảng cách từ nhà B đến tạp hóa D là 10m. Hỏi bạn An từ nhà A đi mua bánh ở tạp hóa rồi qua nhà B chơi thì khoảng cách nào gần hơn? Vì sao?  Untitled | | | **1,0** |
| Ta có: AB là đường vuông góc kẻ từ A đến đường thẳng CD.  AC, AD là các đường xiên kẻ từ A đến đường thẳng CD.  BC, BD lần lượt là các hình chiếu của AC, AD. | | | 0,25 |
| Mà: BC > BD (18m > 10m). | | | 0,25 |
| Nên AC > AD. | | | 0,25 |
| Suy ra AC + BC > AD + BD.  Do đó bạn An đến tạp hóa D rồi qua nhà B là gần hơn. | | | 0,25 |

**--------------------------------------------HẾT--------------------------------------------------**

|  |
| --- |
| SẢN PHẨM CỦA CỘNG ĐÔNG GV TOÁN VN  LIỆN HỆ: 0386536670  GROUP FB: <https://www.facebook.com/groups/316695390526053/> |
| |  |  | | --- | --- | |  |  | |
| CHỈ CHIA SẺ VÀ HỖ TRỢ THẦY CÔ TRÊN FB NHƯ TRÊN , ZALO DUY NHẤT.  Mọi hành vi kêu gọi mua bản quyền, mua chung, góp quỹ vào các group zalo đều là lừa đảo và chia sẻ trái phép sản phẩm của nhóm. |
| Có thể là hình ảnh về văn bản cho biết 'CỘNG ĐỒNG GIÁO VIÊN TOÁN THES VIỆTN TNA' |